

TÌM HIỂU VỀ VẤN ĐỀ HỌC PHÍ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

• TS. VƯƠNG THANH HƯƠNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Thu học phí trong giáo dục đại học (GDĐH) là vấn đề gây tranh cãi nhiều năm nay ở Đức, Thụy Sĩ và một số nước khác. Artur Wolf - nhà kinh tế hàng đầu người Đức, từng là hiệu trưởng trường đại học (ĐH) Tổng hợp Siegen cho rằng, học phí, cũng như mọi giá cả khác đều có tác động về kinh tế. Với việc thi hành chế độ học phí hoặc tăng mức học phí, số thời gian học tại trường ĐH sẽ giảm đi rõ rệt. Chỉ có thể thông qua học phí mới giải quyết được nạn "học trường kì" ở các trường ĐH. Các trường ĐH công thường kém về hiệu quả kinh tế. Cần phải tăng tính cạnh tranh của các trường bằng các biện pháp kinh tế. Thu học phí sẽ tạo điều kiện cho việc thực hiện trả lương cho các nhà giáo theo khả năng. Những người phản đối thu học phí thì lấy nguồn gốc xuất xứ xã hội của sinh viên là một tiêu chuẩn có ý nghĩa quyết định để đánh giá. Từ đó các chính sách GDĐH bị lệ thuộc vào các chính sách xã hội. Điều này hoàn toàn trái ngược với tư duy đào tạo ĐH là đầu tư cho con người. Có nghĩa là thông qua đào tạo ĐH để cải thiện chất lượng lao động và kết quả lao động đó sẽ có thu nhập cao hơn và một số lợi thế khác không mang tính vật chất. Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy thu học phí ở ĐH được "xã hội chấp nhận" nếu chất lượng giảng dạy và đào tạo xứng đáng với học phí mà người học phải bỏ ra.

Nhìn từ khía cạnh tính công bằng trong GDĐH, tác giả Nguyễn Quang A nhận định miễn phí cho mọi sinh viên là bất bình đẳng nhất. Tác giả lí giải theo thống kê ở tất cả các nước phát triển tỉ lệ con em gia đình khá giả học ĐH chiếm tỉ lệ cao và việc miễn học phí đồng nghĩa với việc lấy tiền thuế của mọi người để bao cấp cho tất cả sinh viên mà chủ yếu là sinh viên con nhà khá giả. Đón học phí có thể là một phương thức để sinh viên có động lực học tốt hơn.

2. Vấn đề học phí nhìn từ kinh nghiệm quốc tế

Rất nhiều quốc gia đang phát triển đã và đang chuyển chi phí đào tạo từ chính phủ sang phía sinh viên và cha mẹ họ dưới hình thức học phí và lệ phí - cách làm này đã được thực hiện vài thập kỉ nay ở nhiều nước công nghiệp phát triển và các nước khối OECD. Ví dụ, Úc đưa ra các mức học phí khác nhau (3.300USD cho ngành khoa học xã hội, 4.700USD đối với các ngành khoa học và kinh doanh và 5.500USD đối với ngành y); Các trường của New Zealand đưa ra mức học phí trung bình là 2.300 USD; Hà Lan đưa ra mức giới hạn từ 2.250 đến 3.150 USD. Trong khi học phí và lệ phí đã có từ lâu tại Mỹ ở các trường công và tư thì chúng vẫn chưa được áp dụng rộng rãi cho GDĐH ở châu Âu. Anh quốc mới chỉ quyết định ban hành học phí như một công cụ thử nghiệm tối đa tới 1000 bảng Anh.

Ở Mỹ, giá thành GDĐH cao và tăng nhanh theo thời gian và ngày càng tăng nhanh dưới hình thức chia sẻ chi phí từ phía cha mẹ sinh viên và sinh viên. Học phí ở các trường ĐH công lập tăng 84% trong những năm 1990 vì phải chia sẻ chi phí với chính phủ/những người thu thuế khi nguồn chi phí công này bị cắt giảm. Học phí và lệ phí ở khu vực công lập rất khác nhau - chủ yếu theo bang và loại hình nhà trường hơn là theo chương trình, bằng cấp học. Mức phí cho sinh viên hệ ĐH từ mức thấp khoảng 2000 USD đến mức cao là 5000 USD hoặc hơn và tối thiểu là gấp đôi với sinh viên đến từ các bang khác. Tại Mỹ, các chương trình mở rộng ở cả hai cấp bang và liên bang của chính phủ và từ chính các trường ĐH, cao đẳng đều đã thực hiện bằng cách hỗ trợ học bổng và vay tín dụng tối thiểu dựa trên nhu cầu do vậy tất cả sinh viên trong độ tuổi học ĐH đều được vay vốn hoặc làm thêm để có thể học tại các trường cao đẳng hay ĐH công lập. Do vậy, tất cả sinh viên giỏi, có năng lực, thông qua các

chương trình vay vốn mở rộng có thể đảm bảo đủ nguồn tài chính để tham gia học tại một trong nhiều cơ sở đào tạo ĐH có chi phí cao.

Anh quốc, từ năm 1997, là nước châu Âu đầu tiên thực hiện thu học phí mặc dù thấp hơn so với chuẩn của các trường cao đẳng hay ĐH công lập ở Mĩ. Học phí tại Anh và xứ Wales là 1500 bảng Anh (năm 2003) và có thể được chi trả thông qua học bổng hoặc khoản vay dựa trên nhu cầu để có thể hoàn trả được tính theo tỉ lệ thu nhập của sinh viên khi có việc làm hoặc "thu nhập dự phòng". Chính phủ Anh, dưới hình thức "sách trắng" đã đưa vấn đề này ra thảo luận và đề nghị thay thế học phí trả trước bằng học phí trả chậm cho tất cả sinh viên và việc hoàn trả sau tốt nghiệp với lãi suất bằng 0. Điều này làm cho Anh và xứ Wales tiến gần hơn với việc chia sẻ chi phí của Scotland, nơi mà từ năm 2001 đã cho phép thay thế học phí trả trước (do cha mẹ trả) bằng vốn vay dự phòng thu nhập (do sinh viên trả) được gọi là "sự đóng góp" cho Quỹ quà tặng của các trường ĐH Scotland.

Tại Úc, từ năm 1989, Hội đồng các trường ĐH đã thông báo phương thức kết hợp học phí với hệ thống cho phép phân đông sinh viên đóng học phí trả chậm và hoàn trả như vốn vay dự phòng thu nhập với lãi suất phản ánh tỉ lệ lạm phát phổ biến ở Úc. Học phí năm 2001 là khoảng 2600 USD đối với sinh viên khoa học xã hội và nhân văn và có thể thay bằng vốn vay dự phòng thu nhập, nếu trả trước sẽ được giảm.

Thụy Điển là nơi sinh viên không những không phải đóng học phí mà còn được nhận hỗ trợ học tập để chi trả phí ăn ở và hoàn trả thông qua khoản vay dự phòng thu nhập.

Tại Đức, sinh viên không phải đóng học phí nhưng phải chi trả một phần chi phí liên quan đến ăn, ở, đi lại ... như là một quy định và chúng được hỗ trợ cao thông qua các khoản vay ưu đãi dành cho sinh viên.

Áo là một trong những nước nói tiếng Đức phá vỡ quy ước và bắt đầu thực hiện chính sách học phí từ năm 2001.

Trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, GDĐH Liên bang Nga phải đương đầu với các khủng hoảng liên quan tới giảm chi phí

hàng năm từ ngân sách nhà nước cho GDĐH vì vậy các trường ĐH buộc phải đa dạng hoá nguồn thu. Nước Nga và phần đông các nước trong Liên bang Xô viết cũ bị bó hẹp bởi Hiến pháp của họ trong việc thực hiện học phí, nhưng cũng đã tìm ra kẽ hở. Luật GDĐH năm 1992 sửa đổi rằng miễn học phí theo Hiến pháp chỉ áp dụng cho sinh viên nhập học lần đầu tiên thông qua kì thi quốc gia vào ĐH theo "chỉ tiêu" được phân bổ thường xuyên. Nhưng đóng học phí đã được thông qua ở Nga đối với "những tổ chức có tư cách pháp nhân" - đó là những doanh nghiệp, cơ quan - mặc dù đó không phải là "những con người thực". Một Nghị định của chính phủ ban hành tháng 4 năm 1994 mang tính pháp lí khẳng định rằng "những tổ chức có tư cách pháp nhân" được phép thu học phí và đây là một kẽ hở trong Hiến pháp. Hội đồng nhà nước về GDĐH kiến nghị rằng sinh viên phải đóng học phí nhưng không nên quá 10% trên tổng số sinh viên nhập học. Năm học 1994-1995 các trường ĐH công lập của Nga thu nhận 46.000 sinh viên phải đóng học phí, chiếm 9,6% tổng số người trúng tuyển vào ĐH. Như vậy, cánh cửa về việc sinh viên ĐH phải đóng học phí ở Liên bang Nga đã mở rộng rõ ràng.

Hội nghị hiệu trưởng các trường ĐH của Ba Lan đã có chủ trương "... vận động hành lang luật pháp để đưa vào Hiến pháp mới theo phương thức pháp lí hóa vấn đề học phí". Cũng giống Liên bang Nga, Hiến pháp Ba Lan kêu gọi "miễn học phí" đối với GDĐH, nhưng cũng với kẽ hở tương tự cho phép thu học phí với những đối tượng không phải là sinh viên được nhập học chính quy. Trường ĐH Warsawa, năm 1997, báo cáo thu được gần 12% ngân sách hàng năm của họ thông qua 40% sinh viên nhập học trong tổng số sinh viên của họ với tư cách là "sinh viên tại chức" hoặc "sinh viên bổ túc" - những người này phải đóng học phí khi theo học. Tại Ba Lan cũng như ở Liên bang Nga dường như vấn đề học phí hoặc chia sẻ kinh phí không được công luận nhận định là "tốt" hoặc đóng góp để hướng tới hiệu quả hoặc công bằng, nhưng học phí nên được thực hiện càng sớm càng tốt để vượt ra khỏi những "vấn đề đóng khung cứng" và được



áp dụng ở một số lĩnh vực mở và phù hợp với chính sách hỗ trợ tài chính.

Tại Hungari năm 1995, chính sách học phí đã được áp dụng tại các cơ sở giáo dục công lập ở mức 2000 HUF (tiền Hungary) 1 tháng. Học phí nói chung được áp dụng cho tất cả sinh viên hệ chính quy đang theo học và những nghiên cứu sinh. 1/5 trong tổng số sinh viên được trợ cấp 1 phần hoặc toàn bộ học phí dựa trên cơ sở kết quả học tập đạt được hoặc có khó khăn về tài chính. Sinh viên tại chức phải đóng góp học phí tới 8000 HUF/tháng. Nguồn thu từ học phí được tăng tới 7 tỉ HUF tương đương với 20% nguồn thu của GDĐH và trang trải cho khoảng 7,5% chi phí GDĐH.

Trung Quốc thực hiện học phí đại trà ở các trường ĐH trong thực tiễn theo tinh thần định hướng thị trường của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Bắt đầu vào cuối những năm 1980, các trường ĐH Trung Quốc được phép thu học phí của sinh viên nhập học "ngoài kế hoạch nhà nước" - những người được các doanh nghiệp tài trợ hoặc tự trang trải kinh phí hoặc số tuyển sinh do giảm điểm chuẩn vào học chính quy ở các trường ĐH. Năm 1994 Luật GD đã thay đổi để chuẩn bị cho sinh viên và cha mẹ họ đóng học phí bắt đầu vào năm học 1998-1999 là 1.300¥ (tiền Trung Quốc) - được xem là một con số khiêm tốn. Mức học phí trung bình trong GDĐH của Trung Quốc được dự tính dựa trên hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động của nhà trường (khoảng 20%) và thu nhập bình quân của các gia đình Trung Quốc.

3. Học phí và chi phí tư nhân cho GDĐH

Một vấn đề gây tranh cãi nhiều nhất là mức thu học phí của sinh viên. Để minh họa mức độ này, tất cả các trường ĐH Mĩ đều thu học phí, mặc dù vậy một số lượng lớn sinh viên được hỗ trợ kinh phí hoặc học bổng. Ngược lại hoàn toàn với Mĩ, thu học phí là điều không thể đối với các trường ĐH của Thụy Điển và Phần Lan. Việc thu học phí chịu sức ép từ các lí do chính sau: (i) Nhu cầu tài chính gắn với sự gia tăng lớn số lượng sinh viên nhập học hàng năm; (ii) Khuyến khích sự tin cậy và sự lựa chọn của khách hàng. Ví dụ, Úc đã đưa ra chính sách học phí năm 1989

nhằm mở rộng tài chính GDĐH và cũng bảo đảm rằng những người được hưởng lợi từ GDĐH chia sẻ phần lớn giá thành. Đặc điểm khác biệt của việc trả học phí phụ thuộc vào việc sinh viên có thể kiếm được bao nhiêu tiền sau khi tốt nghiệp ĐH: các sinh viên có thể chọn vay nợ và bắt đầu trả nợ thông qua hệ thống thuế thu nhập khi thu nhập của họ tiến tới mức tối thiểu. Đến năm 2001, 30% nguồn thu của các trường ĐH Úc là từ học phí. Mặc dù vậy, chỉ một số nhỏ các quốc gia ở Châu Âu (Ý, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Vương quốc Anh và gần đây là Áo) đã tăng mức học phí của sinh viên từ năm 1980, trong khi đó Ireland năm 1996 quyết định rằng học phí sẽ do chính phủ chi trả.

Vấn đề học phí cũng liên quan đến các yếu tố quản lí của nhà trường: các cơ sở GDĐH công lập tại Hàn Quốc (2002) và Hà Lan (1996) đã được trao quyền chủ động xây dựng mức học phí để tăng quyền tự chủ tài chính của các trường. Hai quốc gia là Vương quốc Anh (trừ vùng Scotland) và Úc hiện tại đã thông báo đề án sẽ trao cho các trường ĐH quyền tự chủ tài chính thông qua việc cho phép các trường thay đổi học phí đến mức tối đa được quy định.

Chính sách thu học phí trong GDĐH phản ánh rất rõ nét tỉ lệ đóng góp của tư nhân cho phát triển GDĐH ở nhiều quốc gia (xem bảng 1)

Tuy nhiên, rất khó xác định mối quan hệ nhân - quả giữa tư nhân hoá (tỉ lệ đóng góp của tư nhân) và tính ưu việt của GDĐH. Mô hình GDĐH Mĩ được nhiều quốc gia thừa nhận có tính ưu việt thông qua các chỉ số như giải thưởng Nobel, số công trình khoa học được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế, số người được giải Nobel cao... nhưng mức học phí và tỉ lệ đóng góp của tư nhân trong GDĐH cũng rất cao theo số liệu so sánh ở Bảng 1.

Kết luận

GDĐH trong thế kỉ 21 đã chứng tỏ tầm quan trọng là hạt nhân trung tâm của nền kinh tế ngày càng phát triển. GDĐH là nhân tố quan trọng tạo nên bước nhảy vọt về tri thức và công nghệ của một quốc gia. Trước nhu cầu cấp bách về việc đáp ứng đa dạng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong khi nhà nước chỉ có thể

Bảng 1: Tỷ lệ đóng góp của tư nhân (%) cho GDĐH

Nước	Tỷ lệ tư nhân trong phần GDP dành cho GD ĐH (%)	Số trường trong 100 trường đứng đầu thế giới
Áo	0,0	1
Đan Mạch	0,0	1
Phần Lan	0,0	1
Hy Lạp	0,0	0
Na Uy	0,0	1
Bỉ	7,7	0
Pháp	9,1	4
Bồ Đào Nha	9,1	0
Đức	10,0	7
Thụy Điển	11,8	4
Hà Lan	16,7	2
Tây Ban Nha	25,0	0
Vương quốc Anh	30,0	11
Úc	43,8	2
Nhật Bản	54,5	5
Canada	38,5	4
Mĩ	66,7	51

Nguồn: Trích báo cáo của G.Psacharopoulos (Ceifo DICE report 4.2004)

tăng cường một phần về đầu tư tài chính cho các trường ĐH, thì mọi quốc gia dù phát triển hay đang phát triển đều hết sức coi trọng các chính sách đa dạng nguồn lực cho GDĐH và việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được đầu tư. Một trong những phương thức đa dạng hoá nguồn tài chính cho các trường ĐH là các chính sách về học phí, lệ phí hiện đang được nhiều quốc gia áp dụng.

Trong nền kinh tế thị trường, áp lực về cải cách tài chính cho GDĐH đã tăng lên ở hầu hết các nước. Phần đông các quốc gia đều tìm kiếm những giải pháp nhằm khắc phục sự khan hiếm về nguồn vốn đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn này cho các trường ĐH kèm theo những cải cách cơ bản, đặc biệt liên quan đến các chính sách quản lý, sử dụng tối đa các nguồn lực hiện có. Việt Nam đang phấn đấu xây dựng XD một nền GDĐH có chất lượng, ngang tầm khu vực và quốc tế. Vấn đề học phí trong đổi mới quản lý tài chính GDĐH là một vấn đề đang thu hút sự quan tâm của đông đảo các nhà quản

lí, nghiên cứu GD, các nhà xã hội học, sinh viên và phụ huynh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Nguyễn Quang A. *ĐH công - ĐH tư*. Báo Lao động số 4 (25) ra ngày 28/1/2007
2. Alan Wagner (1998), *Costs and financing of tertiary education: OECD trends and new perspectives*. Paper presented in training section. The WB, 1998.
3. Burton Bollag, *Poland considers whether universities should have the right to charge tuition*, The chronicle of higher education, December 5, 1997.
4. World Bank, *China higher education reform*. Report No. 15573-CHA, China and Mongolia division, pp. 53-56

SUMMARY

This article addresses the issue of tuition in higher education, in which the author makes international comparisons in tuitions and private expenditure for higher education.